TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2023/DS- PT
Ngày: 15/02/2023
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết.
Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15/02/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2022/DS-PT ngày 07/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2023/QĐ-PT ngày 09/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐ- PT ngày 16/01/2023 giữa:

*** Nguyên đơn**: Phù Văn T, sinh năm 1961. Có mặt.

- Địa chỉ: Thôn L, xã N D, huyện L N, Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Dương Văn Q, sinh năm 1956. Có mặt.

-Địa chỉ: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Văn Q: Bà Giáp Thị V - Văn phòng luật sư Kim Vĩnh An – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

*** Người liên quan:**

1/ Phù Văn P, sinh năm 1990. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Phù Văn Đ, sinh năm 1986. Có mặt.

3/ Trần Thị N, sinh năm 1992. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Dương Thị H, sinh năm 1987. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5/ Loan Thị T1, sinh năm 1961. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6/ Phù Thị V, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đều trú tại: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

7/ Phù Thị T2, sinh năm 1984. Vắng mặt.

- Trú tại: Thôn A, Đ K, huyện P L, tỉnh Bình Phước

(Anh Phù Văn P, Phù Văn Đ, Trần Thị N, Dương Thị H, Loan Thị T1, Phù Thị V, Phù Thị T2 đều uỷ quyền cho ông Phù Văn T).

8/ Dương Văn M, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

9/ Vi Thị N, sinh năm 1993. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

10/ Dương Văn D, sinh năm 1994. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

11/ Dương Ngọc P1, sinh năm 1996. Vắng mặt.

12/ Tô Thị L, sinh năm 1957. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đều trú tại: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

13/ Dương Thị K, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trú tại: Th M, Q S, L N, Bắc Giang.

(Anh Dương Văn D, Dương Ngọc Phong, Tô Thị L, Dương Thị K, Dương Văn M, Vi Thị N đều uỷ quyền cho ông Dương Văn Q).

14/ Dương Phi H1, sinhnăm 1978. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

15/ Dương Thị V, sinh năm 1977. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

16/ Dương Thị H2, sinh năm 1981. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đều trú tại: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

17/ Phù Thị C, sinh năm 1979 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Trú tại: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

18/ UBND huyện L N do ông Mai Văn D là dại diện theo uỷ quyền. Vắng mặt.

19/ UBND xã N D do ông Nguyễn Văn H3 là đại diện theo uỷ quyền. Vắng mặt.

20/ Hạt kiểm lâm huyện L N do ông Hoàng Văn T1là đại diện theo uỷ quyền. Vắng mặt.

21/ Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp huyện L N do Bùi Văn H4 là đại diện. Vắng mặt.

* Người làm chứng

1/ Ông Đặng Trung T3, sinh năm 1959. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã N D, L N, Bắc Giang.

2/ Ông Lê Quang C1, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Cầu M, N D, L N, Bắc Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phù Văn T, bị đơn ông Dương Văn Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị V, chị Dương Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Phù Văn T trình bày:

Ông và ông Dương Văn Q có quan hệ hàng xóm và thông gia. Ban đầu ông ký hợp đồng bảo vệ rừng với Lâm trường huyện L N (Nay là Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp huyện L N) đối với diện tích rừng ở khu vực Suối ba (Thôn L, xã N D, L N, Bắc Giang). Năm 1996 gia đình ông được Hạt kiểm lâm huyện L N giao diện tích rừng 5,28ha, được cấp sổ bìa xanh có số sổ: 496/GĐGR ngày 15/12/1996, thuộc lô 48a, 48b khoảnh 9 (Địa chỉ thửa đất: Suối 3, Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang). Sau khi giao đất, giao rừng xong thì gia đình ông khai phá để trồng vải, một phần trồng bạch đàn, một phần trồng keo, còn một phần ông để rừng tự nhiên ông quản lý, trông nom. Đến năm 1998 thì con gái ông Phù Thị C lấy con trai ông Dương Văn Q là Dương Phi H1. Thì gia đình ông có cho gia đình ông Q mượn diện tích khoảng 1ha là phần rừng tự nhiên để canh tác. Đến tháng 10/2019 thì gia đình ông Dương Văn Q tự ý phá phần rừng tự nhiên gia đình ông được nhà nước giao, ông không cho mượn, ông yêu cầu ông Q không được khai phá, sử dụng phần đất của ông được nhà nước giao thì ông Q còn thách thức, đe doạ và trồng cây bạch đàn trên đất. Ông đã gửi đơn ra UBND xã N D giải quyết nhưng không có kết quả.

Ông tiếp tục có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc gia đình ông Q phải trả lại diện tích đất tranh chấp là 3,7 ha. Sau khi thẩm định, đo đạc thực tế thì diện tích tranh chấp giữa gia đình ông và gia đình ông Q = 41.834,3 m2. Nay ông đề nghị Toà án giải quyết buộc gia đình ông Q phải trả lại gia đình ông theo diện tích theo kết quả đo đạc thực tế = 41.834,3 m2 đất vì diện tích đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đứng tên ông.

Đối với những cây keo và cây bạch đàn hộ gia đình ông Q trồng trên trên diện tích đất 41.834,3 m2 ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Q thu hoạch để để trả lại đất cho gia đình ông tác, sử dụng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án bị đơn ông Dương Văn Q trình bày: Ông được Hạt kiểm lâm huyện L N giao cho gia đình ông một diện tích đất rừng ở khu vực Suối 3, thôn L, xã N D từ năm 1991 nhưng lúc đó Hạt kiểm lâm chỉ chỉ ranh giới cho gia đình ông sử dụng, chưa có sổ sách giấy tờ gì, ông đã bắt đầu trồng sắn từ đó. Đến năm 1993 gia đình ông có ký hợp đồng với Lâm trường huyện L N trồng keo 1ha thuộc khoảnh 9, lô e, thời hạn ký hợp đồng đến năm 1998. Đến năm 1996 thì được Hạt kiểm lâm huyện L N cấp sổ bìa xanh cho gia đình ông diện tích 4,6 ha. Đến năm 1998 nhà nước có chương trình đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ, ai có nhu cầu đổi thì giao nộp sổ xanh để chuyển sang sổ đỏ thì gia đình ông đã giao sổ xanh cho Cán bộ địa chính UBND xã N D là Diệp Văn Lâm để đổi sang sổ bìa đỏ (ông Lâm đã chết). Việc đổi sổ không ra thực địa mà dựa trên sổ bìa xanh sẵn có. Hiện nay ông không còn sổ xanh nữa. Đến năm 2002 thì toàn bộ diện tích 4,6 ha của gia đình ông được đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 02191, cấp ngày 13/12/2002, diện tích 4,6ha, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043 (Địa chỉ thửa đất: Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) chính là phần tranh chấp, hiện nay trên phần đất tranh chấp ông trồng cây bạch đàn và cây keo.

Nên ông Phù Văn T khởi kiện đòi gia đình ông diện tích 41.834,3 m2 ông không nhất trí vì ông T chỉ được Hạt kiểm lâm huyện L N giao 2,26 ha không nằm trong phần đất ông T đang khởi kiện (Ông đã cung cấp cho Tòa án bản phô tô sổ bìa xanh của gia đình ông T). Do ông T tảy sửa sổ bìa xanh thành 5,28ha, ông đề nghị giám định bản gốc sổ bìa xanh để xác định diện tích đất ông T được cấp và đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông và những người đang sống chung với ông.

Tại bản tự khai,biên bản ghi lời khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Anh Phù Văn P trình bày:

Anh là con trai ông Phù Văn T, vào năm 1996 gia đình anh được giao diện tích đất rừng ở khu vực rừng Suối 3, thuộc địa phận thôn L, xã N D, được cấp sổ bìa xanh có số sổ: 496/GĐGR ngày 15/12/1996, thuộc lô 48a, 48b khoảnh 9. Sau khi giao đất, giao rừng xong thì gia đình anh khai phá, trồng cây cối còn một phần để rừng tự nhiên. Anh nhiều lần đến khu vực rừng này canh tác. Chị gái anh Phù Thị C lấy con trai ông Dương Văn Q, gia đình anh có cho gia đình ông Q mượn khoảng 1ha rừng tự nhiên để gia đình ông Q canh tác. Đến tháng 10/2019 thì gia

đình ông Dương Văn Q tự ý phá phần rừng tự nhiên gia đình anh được nhà nước giao, gia đìn anh khôn cho mượn, gia đình anh yêu cầu ông Q không được khai phá, sử dụng phần đất của gia đình anh được nhà nước giao thì ông Q còn thách thức, đe doạ và trồng cây bạch đàn trên đất. Nay bố anh Phù Văn T khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc gia đình ông Dương Văn Q phải trả lại bố anh và những người hiện nay sống chung với bố anh tổng diện tích đất gia đình ông Q sử dụng vào đất nhà anh được nhà nước giao. Do công việc bận nên anh ủy quyền cho bố anh Phù Văn T thay anh tham gia giải quyết vụ án đến khi kết thúc vụ án.

2. Anh Phù Văn Đ trình bày:

Anh là con đẻ ông Phù Văn T, anh kết hôn với chị Dương Thị H năm 2009, đến năm 2014 thì vợ chồng anh tách khẩu ra ở riêng, vào năm 1996 gia đình anh được giao diện tích đất rừng ở khu vực rừng Suối 3, thuộc địa phận thôn L, xã N D, diện tích được giao 5,28ha, gia đình anh được cấp sổ bìa xanh có số sổ: 496/GĐGR ngày 15/12/1996, thuộc lô 48a, 48b khoảnh 9. Sau khi giao đất, giao rừng xong thì gia đình anh có một phần trồng cây vải, một phần trồng bạch đàn và trồng keo, còn một phần là rừng tự nhiên. Đến năm 1998 thì gia đình anh có cho gia đình ông Q mượn khoảng 1ha rừng tự nhiên để gia đình ông Q canh tác. Việc cho mượn chỉ bằng miệng, không có giấy tờ gì. Đến tháng 10/2019 thì gia đình ông Dương Văn Q tự ý phá phần rừng tự nhiên gia đình anh được nhà nước giao, gia đình anh không cho mượn, gia đình anh yêu cầu ông Q không được khai phá, sử dụng phần đất của anh được nhà nước giao thì ông Q còn thách thức, đe doạ và trồng cây bạch đàn trên đất. Nay bố anh Phù Văn T khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc gia đình ông Dương Văn Q phải trả diện tích đất gia đình ông Q sử dụng sang đất nhà anh, anh hoàn toàn nhất trí. Do công việc bận nên anh uỷ quyền toàn bộ cho bố anh Phù Văn T thay anh tham gia giải quyết vụ án đến khi kết thúc vụ án.

3. Chị Trần Thị N trình bày:

Chị là con dâu ông Phù Văn T. Việc giao đất, giao rừng thế nào chị không biết, khi chị về làm dâu thì vào khu rừng của gia đình bố chồng chị canh tác và sử dụng. Nay bố chồng chị Phù Văn T khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc gia đình ông Dương Văn Q phải trả diện tích đất lấn chiếm của gia đình. Chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bố chị Phù Văn T. Do công việc bận chị uỷ quyền toàn bộ cho bố chị Phù Văn T thay chị tham gia giải quyết vụ án.

4. Chị Dương Thị H trình bày:

Chị là con dâu ông Phù Văn T, chị kết hôn với anh Phù Văn Đ là con đẻ ông T từ năm 2009. Đến năm 2014 thì vợ chồng chị tách khẩu ra ở riêng. Việc giao đất, giao rừng thế nào chị không biết. Nay bố chị Phù Văn T khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc gia đình ông Dương Văn Q phải trả diện tích đất rừng ở khu vực Suối 3, Thôn L, xã N D, huyện L N, Bắc Giang. Chị hoàn toàn nhất trí. Do công việc bận nên chị uỷ quyền cho bố chị Phù Văn T thay chị tham gia giải quyết vụ án.

5. Bà Loan Thị T1 trình bày:

Bà là vợ ông Phù Văn T, bà kết hôn với ông Phù Văn T từ năm 1978. Đến năm 1996 gia đình bà được Hạt kiểm lâm huyện L N giao diện tích 5,28ha, được cấp sổ bìa xanh có số sổ: 496/GĐGR ngyà 15/12/1996, diện tích 5,28ha, thuộc lô 48a, 48b khoảnh 9. Sau khi giao đất, giao rừng xong thì gia đình bà trồng cây cối còn một phần là để rừng tự nhiên. Đến năm 1998 thì con gái bà Phù Thị C lấy con trai ông Dương Văn Q là Dương Phi H1. Thì gia đình bà có cho gia đình ông Q mượn diện tích khoảng 1ha là phần rừng tự nhiên để cho các con canh tác. Đến tháng 10/2019 thì gia đình ông Dương Văn Q tự ý phá phần rừng tự nhiên gia đình bà được nhà nước giao, không cho ông Q mượn, gia đình bà yêu cầu ông Q không được khai phá, sử dụng phần đất của gia đình bà được nhà nước giao thì ông Q còn thách thức, đe doạ và trồng cây bạch đàn trên đất. Nay chồng bà ông Phù Văn T khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc gia đình ông Dương Văn Q phải trả diện tích đất rừng ở khu vực Suối 3, thôn L, xã N D, L N, Bắc Giang. Bà hoàn toàn nhất trí. Do công việc bận nên bà uỷ quyền toàn bộ cho ông Phù Văn T thay bà tham gia giải quyết vụ án.

6. Chị Phù Thị V trình bày:

Chị là con đẻ ông Phù Văn T, chị xác định vào năm 1996 gia đình chị được Hạt kiểm lâm huyện L N giao diện tích 5,28ha, được cấp sổ bìa xanh có số sổ: 496/GĐGR ngyà 15/12/1996, diện tích 5,28ha, thuộc lô 48a, 48b khoảnh 9. Sau khi giao đất, giao rừng xong thì gia đình chị trồng cây cối, bạch đàn, keo và một phần là rừng tự nhiên trên diện tích đất được nhà nước giao. Sau đó cho chị gái là con dâu ông Dương Văn Q mượn khoảng 1ha canh tác. Đến tháng 10/2019 thì gia đình ông Dương Văn Q tự ý sử dụng sang cả phần rừng không cho mượn, trồng cây bạch đàn và keo trên đất. Nay bố chị Phù Văn T khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc gia đình ông Dương Văn Q phải trả diện tích đất rừng ở khu vực Suối 3, thôn L, xã N D, L N, Bắc Giang. Chị hoàn toàn nhất trí. Do công bận nên chị uỷ quyền toàn bộ cho bố chị Phù Văn T thay chị tham gia giải

quyết vụ án.

7. **Chị Phù Thị T2 trình bày:**

Chị là con đẻ ông Phù Văn T. Chị kết hôn và chuyển khẩu về gia đình chồng sinh sống ổn định. Chị xác định vào năm 1996 gia đình chị được được Hạt kiểm lâm huyện L N, được cấp sổ bìa xanh có số sổ: 496/GĐGR ngày 15/12/1996, diện tích 5,28ha, thuộc lô 48a, 48b khoảnh 9. Sau khi giao đất, giao rừng xong thì gia đình chị có một phần trồng cây vải, một phần trồng bạch đàn và trồng keo, còn một phần là rừng tự nhiên trên diện tích đất được nhà nước giao. Sau đó có cho chị gái Phù Thị C là con dâu ông Dương Văn Q mượn khoảng 1ha canh tác. Đến tháng 10/2019 thì gia đình ông Dương Văn Q tự ý sử dụng sang cả phần rừng không cho mượn, lấn chiếm, sử dụng trái phép diện tích đất gia đình chị được nhà nước giao và trồng cây bạch đàn và keo trên đất. Nay bố chị Phù Văn T khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc gia đình ông Dương Văn Q phải diện tích đất lấn chiếm của gia đình chị. Chị hoàn toàn nhất trí. Do công việc bận chị uỷ quyền cho bố chị Phù Văn T thay chị tham gia giải quyết vụ án.

8. Anh Dương Văn M trình bày:

Anh là con trai ông Dương Văn Q, anh xác định vào năm 1991 gia đình anh được Hạt kiểm lâm huyện L N giao diện tích đất rừng tại khu vực Suối 3, thôn L, xã N D nhưng không có sổ sách giấy tờ gì, sau đó gia đình anh ký Hợp đồng trồng rừng với Lâm trường huyện L N để trồng keo 1ha thuộc khoảnh 9, lô e. Đến năm 1996 thì được Hạt kiểm lâm huyện L N cấp sổ bìa xanh cho gia đình anh diện tích 4,6 ha, thuộc thửa số K9, Lô C8, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2043. Đến năm 1998 nhà nước có chương trình đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ, gia đình anh chuyển sang sổ đỏ. Đến năm 2002 thì toàn bộ diện tích 4,6 ha của gia đình anh được đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 02191, cấp ngày 13/12/2002 diện tích 4,6ha, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043 (Địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang). Ông Phù Văn T khởi kiện bố anh Dương Văn Q, anh không nhất trí. Do công việc bận anh uỷ quyền toàn bộ cho bố anh Dương Văn Q thay anh giải quyết vụ án đến khi kết thúc vụ án.

9. Chị Vi Thị N trình bày:

Chị là con dâu ông Dương Văn Q, chị kết hôn với anh Dương Văn M từ năm 2015, việc giao đất, nhận đất thế nào do bố mẹ chồng chị nhận, chị không nhất trí với việc khởi kiện của ông Phù Văn T. Do công việc bận chị uỷ quyền toàn bộ cho bố chồng chị Dương Văn Q thay chị giải quyết vụ án đến khi kết thúc vụ

án.

10. Anh Dương Văn D trình bày:

Anh là con trai ông Dương Văn Q, anh xác định vào năm 1991 gia đình anh được Hạt kiểm lâm giao diện tích đất rừng lâm nghiệp nhưng chưa có sổ sách giấy tờ gì, sau đó gia đình anh ký hợp đồng với Lâm trường huyện L N trồng keo 1ha thuộc khoảnh 9, lô e, thời hạn ký hợp đồng đến năm 1998. Đến năm 1996 thì Hạt kiểm lâm huyện L N cấp sổ bìa xanh cho gia đình anh diện tích 4,6 ha, thuộc thửa số K9, Lô C8, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2043. Đến năm 1998 nhà nước có chương trình đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ, ai có nhu cầu đổi thì giao nộp sổ xanh để chuyển sang sổ đỏ. Đến năm 2002 thì toàn bộ diện tích 4,6 ha của gia đình anh được đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 02191, cấp ngày 13/12/2002 diện tích 4,6ha, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043 (Địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang). Nay ông Phù Văn T khởi kiện, anh không nhất trí. Do công việc bận anh uỷ quyền cho bố anh Dương Văn Q thay anh giải quyết vụ án đến khi kết thúc vụ án.

11. Anh Dương Ngọc P1 trình bày:

Anh là con trai ông Dương Văn Q, anh xác định vào năm 1991 gia đình anh được Hạt kiểm lâm huyện L N giao diện tích đất rừng ở khu vực Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, sau đó gia đình anh có ký hợp đồng với Lâm trường huyện L N trồng keo 1ha thuộc khoảnh 9, lô e, thời hạn ký hợp đồng đến năm 1998. Đến năm 1996 thì được Hạt kiểm lâm huyện L N cấp sổ bìa xanh cho gia đình anh diện tích 4,6 ha, thuộc thửa số K9, Lô C8, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2043. Đến năm 1998 nhà nước có chương trình đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ, ai có nhu cầu đổi thì giao nộp sổ xanh để chuyển sang sổ đỏ. Đến năm 2002 thì toàn bộ diện tích 4,6 ha của gia đình anh được đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 02191, cấp ngày 13/12/2002, diện tích 4,6ha, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043 (Địa chỉ thửa đất: Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang). Nay ông Phù Văn T khởi kiện, anh không nhất trí. Do công việc bận anh uỷ quyền cho bố anh Dương Văn Q thay anh giải quyết vụ án đến khi kết thúc vụ án.

12. Bà Tô Thị L trình bày:

Bà là chồng ông Dương Văn Q, bà xác định vào năm 1991 gia đình bà được nhà nước giao diện tích đất rừng lâm nghiệp tại khu vực Suối 3, thôn L, xã N D,

đến năm 1993 gia đình bà có ký hợp đồng với Lâm trường huyện L N trồng keo 1ha thuộc khoảnh 9, lô e, thời hạn ký hợp đồng đến năm 1998. Đến năm 1996 thì được Hạt kiểm lâm huyện L N cấp sổ bìa xanh cho gia đình bà diện tích 4,6 ha, thuộc thửa số K9, Lô C8, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2043. Đến năm 1998 nhà nước có chương trình đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ, ai có nhu cầu đổi thì giao nộp sổ xanh để chuyển sang sổ đỏ. Đến năm 2002 thì toàn bộ diện tích 4,6 ha của gia đình bà được đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 02191, cấp ngày 13/12/2002 diện tích 4,6ha, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043 (Địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang). Nay ông Phù Văn T khởi kiện bà không nhất trí. Do công việc bận bà uỷ quyền toàn bộ cho chồng bà Dương Văn Q thay bà giải quyết vụ án đến khi kết thúc vụ án.

13. Chị Dương Thị K trình bày:

Chị là con gái ông Dương Văn Q, chị đã lập gia đình và tách khẩu về gia đình chồng từ năm 2005. Chị xác định vào năm 1991 gia đình chị được Hạt kiểm lâm huyện L N giao diện tích đất rừng ở khu vực Suối 3, thôn L, xã N D, sau đó gia đình chị ký Hợp đồng trồng rừng với Lâm trường huyện L N để trồng keo 1ha thuộc khoảnh 9, lô e. Đến năm 1996 thì được Hạt kiểm lâm huyện L N cấp sổ bìa xanh cho gia đình chị diện tích 4,6 ha, thuộc thửa số K9, Lô C8, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2043. Đến năm 1998 nhà nước có chương trình đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ, gia đình chị chyển sang sổ đỏ. Đến năm 2002 thì toàn bộ diện tích 4,6 ha của gia đình chị được đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 02191, cấp ngày 13/12/2002 diện tích 4,6ha, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043 (Địa chỉ thửa đất: thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang). Ông Phù Văn T khởi kiện chị không nhất trí. Do công việc bận chị uỷ cho bố chị Dương Văn Q thay chị giải quyết vụ án đến khi kết thúc vụ án

14. Anh Dương Phi H1 trình bày:

Anh là con trai ông Dương Văn Q, anh kết hôn với chị Phù Thị C từ năm 1998, sau đó vợ chồng anh về chung sống với nhau, đến khoảng năm 2000-2001 thì vợ chồng anh tách khẩu ra ở riêng. Anh xác định vào năm 1991 gia đình anh được Hạt kiểm lâm huyện L N giao diện tích đất rừng ở khu vực Suối 3, thôn L, xã N D, sau đó gia đình anh ký Hợp đồng trồng rừng với Lâm trường huyện L N. Đến năm 1996 thì được Hạt kiểm lâm huyện L N cấp sổ bìa xanh cho gia đình anh diện

tích 4,6 ha, thuộc thửa số K9, Lô C8, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2043. Đến năm 1998 nhà nước có chương trình đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ, gia đình anh chyển sang sổ đỏ. Đến năm 2002 thì toàn bộ diện tích 4,6 ha của gia đình anh được đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 02191, cấp ngày 13/12/2002 diện tích 4,6ha, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043 (Địa chỉ thửa đất: thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang). Nên ông Phù Văn T khởi kiện, anh không nhất trí.

15. Chị Dương Thị V trình bày:

Chị là con gái ông Dương Văn Q, chị lập gia đình và tách khẩu về gia đình chồng từ năm 2009. Chị xác định vào năm 1991 gia đình chị được giao diện tích đất rừng ở khu vực Suối 3, thôn L, xã N D. Sau đó gia đình chị ký Hợp đồng trồng rừng với Lâm trường huyện L N để trồng keo 1ha thuộc khoảnh 9, lô e. Đến năm 1996 thì được Hạt kiểm lâm huyện L N cấp sổ bìa xanh diện tích 4,6 ha, thuộc thửa số K9, Lô C8, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2043. Đến năm 1998 nhà nước có chương trình đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ, gia đình chị chyển sang sổ đỏ. Đến năm 2002 thì toàn bộ diện tích 4,6 ha của gia đình chị được đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 02191, cấp ngày 13/12/2002 diện tích 4,6ha, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043 (Địa chỉ thửa đất: thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang). Nay ông Phù Văn T khởi kiện, chị không nhất trí.

16. Chị Dương Thị H2 trình bày:

Chị là con gái ông Dương Văn Q, chị lập gia đình và tách khẩu về gia đình chồng từ năm 2008. Chị xác định vào năm 1991 gia đình chị được giao diện tích đất rừng ở khu vực Suối 3, thôn L, xã N D. Say đó gia đình chị ký Hợp đồng trồng rừng với Lâm trường huyện L N để trồng keo 1ha thuộc khoảnh 9, lô e. Đến năm 1996 thì được Hạt kiểm lâm huyện L N cấp sổ bìa xanh diện tích 4,6 ha, thuộc thửa số K9, Lô C8, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2043. Đến năm 1998 nhà nước có chương trình đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ, gia đình chị chyển sang sổ đỏ. Đến năm 2002 thì toàn bộ diện tích 4,6 ha của gia đình chị được đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 02191, cấp ngày 13/12/2002, diện tích 4,6ha, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043 (Địa chỉ thửa đất: thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Nên ông Phù Văn T khởi kiện, chị không nhất

trí.

17. Chị Phù Thị C trình bày:

Chị là con đẻ ông Phù Văn T, là con dâu ông Dương Văn Q. Chị kết hôn với con trai ông Q là Dương Phi H1 vào năm 1998 sau đó chuyển khẩu về nhà chồng sinh sống ổn định.Việc Cơ quan có thẩm quyền giao đất cho bố đẻ chị Phù Văn T và bố chồng Dương Văn Q thế nào chị không biết, không là người nhận. Nay bố đẻ chị Phù Văn T khởi kiện bố chồng tôi Dương Văn Q. Chị đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Chị xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử.

18. Hạt Kiểm lâm huyện L N trình bày:

Việc giao đất, giao rừng cho ông Phù Văn T được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại nghị định số: 02/NĐ ngày 15/01/1994 và Luật đất đai năm 1993. Khi giao đất có đầy đủ các ban nghành địa phương. Việc giao đất được tiến hành trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao đất và bên nhận đất.

Ông Phù Văn T (Địa chỉ: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp GCNQSD đất lâm nghiệp số 48, tại Quyết định cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 494/GĐGR ngày 15/12/1996, diện tích: 5,28 ha = 52.800m2. Thuộc lô: 48a, 48b, khoảnh 9, thuộc khu rừng Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi xem xét thẩm định đối chiếu với sơ đồ giao đất giao rừng thì thấy:

- Theo số liệu của Văn phòng đo đất thì:

- Diện tích ông Phù Văn T sử dụng thực tế tại lô 48 a = 1991,2 m2, tại lô 48 b = 13.321,3 m2. Tổng diện tích ông Phù Văn T sử dụng thực tế là: 15.312,5m2. Thiếu 37.487,5m2 so với GCNQSD đất lâm nghiệp ông được cấp.

- Phần diện tích đất ông Dương Văn Q đang sử dụng tranh chấp với nhà ông Phù Văn T là: 38.391,7m2 (lô 48a) + 3442,6 m2 (lô 48b) = 41.834,3m2.(Trong đó diện tích tranh chấp trồng cây keo to là 3.319,4 m2 ở lô 48a, diện tích tranh chấp trồng bạch đàn nhỏ là 35.072,3 m2 ở lô 48a + 3.442,6m2 ở lô 48b).

Vậy tổng diện tích đất tranh chấp giữa ông Phù Văn T và Dương Văn Q là = 41.834,3 m2.

Phần diện tích đất tranh chấp 41.834,3 m2 nằm trong GCNQSD đất lâm nghiệp số 48, tại Quyết định cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 494/GĐGR ngày 15/12/1996 thuộc khu rừng Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang mà ông Phù Văn T được cấp.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02191 cấp ngày 13/12/2002 cấp cho ông Dương Văn Q diện tích 46.000 m2, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043. Sau khi kiểm tra các hồ sơ, tài liệu lưu giữ tại Hạt kiểm lâm huyện L N thì không có tên ông Dương Văn Q được giao đất, không có lô C8, Khoảnh 9 tại khu vực đất ông T được giao, không có tài liệu nào thể hiện ông Dương Văn Q được cấp sổ bìa xanh tại khu vực rừng Suối 3, thôn L, N D.

Hạt kiểm lâm huyện L N khẳng định không có việc giao chồng chéo giữa đất nhà ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q. Không có việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ông T và ông Q chồng lên nhau.

Còn vị trí đất nhà ông Q được giao ở đâu thì Hạt kiểm lâm không lắm được.

- Việc sử dụng không đúng diện tích là do các gia đình tự ý sử dụng không đúng ranh giới, diện tích được giao

Phần diện tích đất có tăng hay giảm so với GCNQSD đất có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân là trước đây đo vẽ bằng phương pháp thủ công nay đo bằng máy móc hiện đại hơn nên độ chính xác cao hơn.

19. UBND huyện L N do ông Mai Văn D là đại diện theo ủy quyền trình bày: Việc giao đất, giao rừng cho ông Phù Văn T được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại nghị định số: 02/NĐ ngày 15/01/1994 và Luật đất đai năm 1993. Khi giao đất có đầy đủ các ban nghành địa phương. Việc giao đất được tiến hành trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao đất và bên nhận đất.

Ông Phù Văn T (Địa chỉ: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 494/GĐGR ngày 15/12/1996, diện tích: 5,28 ha = 52.800m2. Thuộc lô: 48a, 48b, khoảnh 9, Địa chỉ thửa đất: Thuộc khu rừng Suối ba, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02191 cấp ngày 13/12/2002 cấp cho ông Dương Văn Q thì ông Dương Văn Q được cấp diện tích 46.000 m2, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043. Tại lô C8, Khoảnh 9. Theo như tài liệu còn lưu giữ tại UBND huyện L N thì ông Dương Văn Q được cấp đất theo quyết định cấp đất số 1458/QĐ-UB ngày 13/12/2002, số thứ 127. Còn cụ thể vị trí đất ông Q ở đâu thì UBND huyện L N không lắm được mà do Hạt kiểm lâm huyện L N xác định.

Sau khi xem xét thẩm định đối chiếu với sơ đồ giao đất giao rừng thì thấy:

- Theo số liệu của Văn phòng đo đất thì:

- Diện tích ông Phù Văn T sử dụng thực tế tại lô 48 a = 1991,2 m2, tại lô 48 b = 13.321,3 m2. Tổng diện tích ông Phù Văn T sử dụng thực tế là: 15.312,5m2. Thiếu 37.487. 5m2 so với GCNQSD đất lâm nghiệp ông được cấp.

- Phần diện tích đất ông Dương Văn Q đang sử dụng tranh chấp với nhà ông Phù Văn T là: 38.391,7m2 + 3442,6 m2 = 41.834,3m2.

Vậy diện tích đất tranh chấp giữa ông Phù Văn T và Phù Văn Quý là 41.834,3 m2.

Việc giao chồng chéo giữa đất nhà ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q cũng như vị trí đất ông Q được cấp ở đâu thì do Hạt kiểm lâm xác định.

Còn việc tranh chấp sử dụng không đúng diện tích là do các gia đình tự ý sử dụng không đúng ranh giới, diện tích được giao

Phần diện tích đất có tăng hay giảm so với GCNQSD đất có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân là trước đây đo vẽ bằng phương pháp thủ công nay đo bằng máy móc hiện đại hơn nên độ chính xác cao hơn.

19. UBND xã N D do ông Nguyễn Văn H3 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Việc giao đất, giao rừng cho ông Phù Văn T được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại nghị định số: 02/NĐ ngày 15/01/1994 và Luật đất đai năm 1993. Khi giao đất có đầy đủ các ban nghành địa phương. Việc giao đất được tiến hành trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao đất và bên nhận đất.

Ông Phù Văn T (Địa chỉ: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 494/GĐGR ngày 15/12/1996, diện tích: 5,28 ha = 52.800m2. Thuộc lô: 48a, 48b, khoảnh 9, Địa chỉ thửa đất: Thuộc khu rừng Suối ba, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02191 cấp ngày 13/12/2002 cấp cho ông Dương Văn Q thì ông Dương Văn Q được cấp diện tích 46.000 m2, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043. Tại lô C8, Khoảnh 9 (UBND xã N D không có tài liệu lưu giữ hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Dương Văn Q). Trên bản đồ địa chính xã N D không có bản đồ quản lý đất rừng mà bản đồ giao đất giao đất rừng do Hạt kiểm lâm huyện L N quản lý nên UBND xã N D không xác định được vị trí đất ông Q được cấp ở đâu, việc xác định đất ông Q được cấp ở đâu do Hạt kiểm lâm xác định

Sau khi xem xét thẩm định đối chiếu với sơ đồ giao đất giao rừng thì thấy:

- Theo số liệu của Văn phòng đo đất thì:

- Diện tích ông Phù Văn T sử dụng thực tế tại lô 48 a = 1991,2 m2, tại lô 48 b = 13.321,3 m2. Tổng diện tích ông Phù Văn T sử dụng thực tế là: 15.312,5m2. Thiếu 37.487,5m2 so với GCNQSD đất lâm nghiệp ông được cấp.

- Phần diện tích đất ông Dương Văn Q đang sử dụng tranh chấp với nhà ông Phù Văn T là: 38.391,7m2 + 3442,6 m2 = 41.834,3m2.

Vậy diện tích đất tranh chấp giữa ông Phù Văn T và Phù Văn Quý là 41.834,3 m2.

Việc giao chồng chéo giữa đất nhà ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q cũng như vị trí đất ông Q được cấp ở đâu thì do Hạt kiểm lâm xác định.

Còn việc tranh chấp sử dụng không đúng diện tích là do các gia đình tự ý sử dụng không đúng ranh giới, diện tích được giao

Phần diện tích đất có tăng hay giảm so với GCNQSD đất có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân là trước đây đo vẽ bằng phương pháp thủ công nay đo bằng máy móc hiện đại hơn nên độ chính xác cao hơn.

20. Công ty TNHH một thanh viên lâm nghiệp huyện L N do ông Bùi Văn H4 là đại diện trình bày ý kiến:

Theo các tài liệu còn lưu giữ tại Công ty lâm nghiệp huyện L N thì công ty Lâm nghiệp huyện L N xác định trong giai đoạn năm 1993 – 1998 Công ty Lâm nghiệp huyện L N có ký Hợp đồng bảo vệ rừng với ông Dương Văn Q. Theo như Hợp đồng đã ký kết thì Lâm trường huyện L N nay là công ty Lâm nghiệp huyện L N giao cho ông Dương Văn Q có nhiệm vụ bảo vệ 1 ha rừng. Lâm trường huyện L N có trách nhiệm thanh toán tiền công bảo vệ rừng là 50.000 đồng/01 ha/01 năm.

Hợp đồng bảo về rừng có giá trị đến hết chu kỳ đầu tư bảo vệ rừng của nhà nước. Theo như Hợp đồng ký kết giữa Lâm trường huyện L N và ông Dương Văn Q thì hết năm 1998 hợp đồng hết giá trị.

Theo như GCNQSD đất lâm nghiệp cấp cho ông Phù Văn T (Địa chỉ: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp GCNQSD đất lâm nghiệp số 48, tại Quyết định cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 494/GĐGR ngày 15/12/1996, diện tích: 5,28 ha = 52.800m2. Thuộc lô: 48a, 48b, khu rừng Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Do Hạt kiểm lâm huyện L N giao đất, giao rừng và cấp GCNQSĐ đất lâm nghiệp.

Theo như GCNQSD đất lâm nghiệp cấp cho ông Dương Văn Q (Địa chỉ: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp GCNQSD đất lâm nghiệp vào sổ cấp GCNQSD đất lâm nghiệp: 01291, cấp ngày 13/12/2002, diện tích 4,6ha, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời (Địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang).

Việc GCNQSD đất cấp cho ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q có trùng nhau hay khôngdo Hạt kiểm lâm huyện L N và UBND huyện L N xác định.

Việc công ty lâm nghiệp ký hợp đồng bảo vệ rừng 1ha tại lô e, khoảnh 9 có trùng với GCNQSĐ đất lâm nghiệp cấp cho ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q có trùng hay không thì không biết, nhưng Công ty lâm nghiệp không phải là cơ quan giao đất, giao rừng, không làm nhiệm vụ cấp GCNQSD đất lâm nghiệp, hợp đồng ký kết bảo vệ rừng cũng đã hết thời hạn không còn giá trị pháp lý, không liên quan.

Việc tranh chấp giữa ông T và ông Q đề nghị Toà án căn cứ vào quy định pháp luật để gải quyết.

*** Tại biên bản ghi lời khai những người làm chứng trình bày:**

1. Ông Đặng Trung T3 trình bày:

Trong giai đoạn 1996 -1997 ông là trưởng thôn L, xã N D, huyện L N, ông nằm trong ban giao đất rừng của xã N D, khi giao đất trên địa bàn xã N D tổ giao đất gồm ông (Đặng Trung T3), ông Trình Văn Sinh - nguyên Chủ tịch xã, ông Thân Văn Thi - là cán bộ Lâm nghiệp xã và ông Lê Quang C1 - đại diện Hạt kiểm lâm huyện. Tổ giao đất trực tiếp đến thực địa giao đất cho các hộ dân trong thôn, người nhận đất cũng trực tiếp đến nhận đất thì tổ giao đất mới giao, hộ ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q là công dân thôn L, xã N D. Khi tổ giao đất tiến hành giao đất thì gia đình ông T đến nhận đất, ông Q không có mặt ở đó. Việc giao đất được chỉ ranh giới rõ ràng, không có việc giao chồng chéo giữa các bên. Các bên có tranh chấp là do tự ý sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật, không đúng diện tích được giao. Nay ông T khởi kiện đòi đất ông Q. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

2. Ông Lê Quang C1 trình bày:

Trong giai đoạn 1982 – 2009 ông là cán bộ Hạt kiểm lâm huyện L N, năm 1996 ông nằm trong ban giao đất rừng của xã N D, khi giao đất trên địa bàn xã N D tổ giao đất gồm ông (Lê Quang C1), ông Trình Văn Sinh - nguyên Chủ tịch xã, ông Thân Văn Thi - là cán bộ Lâm nghiệp xã và ông Đặng Trung T3 – Trưởng thôn L, xã N D. Khi giao đất tổ giao đất trực tiếp đến thực địa giao đất cho các hộ

dân trong thôn, người nhận đất cũng trực tiếp đến nhận đất thì tổ giao đất mới giao, hộ ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q là công dân thôn L, xã N D. Khi tổ giao đất tiến hành giao đất thì gia đình ông T đến nhận đất, ông Q không có mặt ở đó. Việc giao đất được chỉ ranh giới rõ ràng, không có việc giao chồng chéo giữa các bên. Các bên có tranh chấp là do tự ý sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật, không đúng diện tích được giao. Nay ông T khởi kiện đòi đất ông Q. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 22/4/2022 xác định tài sản tranh chấp như sau:

Xác định phần diện tích tranh chấp giữa ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q là 41.834,3 m2. Trong đó có 3319,4 m2 trồng cây keo to đã đến thời kỳ thu hoạch và 38.514,9 m2 trồng cây bạch đàn nhỏ chưa đến thời kỳ thu hoạch.

Theo như ông Phù Văn T trìn bày: Diện tích đất 41.834,3 m2 nằm trong GCNQSĐ đất lâm nghiệp ông được cấp số: 497/GĐGR ngày 15/12/1996, diện tích: 5,28 ha = 52.800 m2. Thuộc lô: 48 a, 48 b, thuộc khu rừng Suối ba, Thôn L, xã N D, L N, Bắc Giang.

Theo như ông Dương Văn Q trình bày: Diện tích đất 41.834,3 m2 nằm trong GCNQSĐ đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02191 cấp ngày 13/12/2002 cấp cho ông Dương Văn Q, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043. Tại lô C8, Khoảnh 9

Tại biên bản định giá tài sản lập ngày 22/4/2022 xác định giá trị tài sản như sau:

Diện tích đất tranh chấp 41.834,3 m2 x 16.000 đồng/01 m2 = 669.348.800 đồng.

Mật độ cây bạch đàn 1700 cây/01 ha, có 38.514,9 m2 trồng cây bạch đàn (Trong đó có: 3.442,6 m2 ở lô 48b và 35.072,3 m2 ở lô 48a = 38.514,9 m2), trên đất có 6.547,533 cây bạch đàn (đường kính gốc 05 – 10 cm) x 100.000đ/ cây = 654.753.300đ. Cây bạch đàn chưa đến thời kỳ thu hoạch.

Mật độ cây keo 1700 cây/01 ha, có 3.319,4 m2 trồng cây keo, trên đất có 564.298 cây keo (đường kính gốc 13 – 20 cm) x 154.000đ/ cây =86.901.892 đồng. Cây keo đã đến thời kỳ thu hoạch.

Tổng cộng giá trị tài tài sản tranh chấp là: 1.411.003.992 (Một tỷ bốn trăm mười một triệu, không trăm linh ba nghìn chín chăm chín hai đồng).

*** Tại quyết định giám định số: 1445/KL-KTHS ngày 23/8/2022 kết luận:**

Chữ số "5,28" tại mục "Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp...ha" ở mặt trước tờ số 01; "5,68 (5,28) tại mục "Đất chưa có rừng là...ha" ở mặt trước tờ số 02 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) bị mờ nhờ, có dấu vết tẩy xóa, không xác định được nội dung ban đầu. Tại mục "Diện tích" ở mặt trước tờ số 04 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A), có dấu vết tẩy xóa, không xác định được nội dung ban đầu.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn đã quyết định:

Áp dụng Các Điều 24, Điều 36, Điều 38, Điều 43, Điều 73 Luật đất đai năm 1993.

Áp dụng Điều 4, Điều 5, Điều 100, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 138, Điều 158; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 257, Điều 261, Điều 264, Điều 265, Điều 579, Điều 580 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp Dụng Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 147; Điều 156, Điều 157; Điều 158; Điều 160; Điều 161; Điều 165, Điều 166; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phù Văn T.

1.1. Buộc hộ ông Dương Văn Q phải trả cho hộ ông Phù Văn T diện tích 41.834,3 m2 đất trị giá = 669.348.800 đồng trong GCNQSD đất được đất Lâm nghiệp số 48, Quyết định giao đất giao rừng số: 496/GĐGR ngày 15/12/1996, thuộc lô 48a, 48b khoảnh 9 thuộc khu rừng Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Có sơ đồ góc cạnh cụ thể như sau: Xuất phát từ điểm 1 lần lượt qua các điểm số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17 và từ điểm 17 trở về điểm 1.

Buộc hộ ông Dương Văn Q phải khai thác, thu hoạch toàn bộ cây keo và cây cối, tài sản khác diện tích đất 3.319,4 m2

Hộ ông Phù Văn T được sở hữu và sử dụng 6.547,533 cây bạch đàn (đường kính gốc 5-10cm) trên diện tích 38.514,9 m2 có trị giá = 654.753.300đ.

Buộc hộ ông Phù Văn T phải trả cho hộ ông Dương Văn Q giá trị 6.547,533 cây bạch đàn (đường kính gốc 5-10cm) trên diện tích 38.514,9 m2 = 654.753.300đ

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 13/9/2022, nguyên đơn ông Phù Văn T kháng cáo bản án bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn phần bồi thường về giá cây bạch đàn.

Ngày 12/9/2022, bị đơn ông Dương Văn Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị V, chị Dương Thị H2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Nguyên đơn trình bày:* Tôi không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về phần giá trị của cây bạch đàn, tôi không đồng ý bồi thường cho ông Dương Văn Q toàn bộ giá trị cây bạch đàn. Tôi chỉ đồng ý hỗ trợ cho ông Q 100.000.000 đồng giá trị toàn bộ số cây bạch đàn, nếu ông Q không đồng ý thì tôi đề nghị gia đình ông Q phải khai thác toàn bộ cây bạch đàn để trả lại đất cho gia đình tôi.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để xác minh, làm rõ: Nguyên đơn khởi kiện đòi 3,7 ha đất rừng, tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung này, tòa án xác định buộc ông Q trả 41.834,3m2 là không phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đề nghị tòa án xác minh làm rõ việc cấp sổ đỏ cho ông Q.

- Ông Q có đơn đề nghị UBND huyện L N xác định vị trí đất gia đình ông được cấp sổ đỏ đến nay chưa nhận được văn bản trả lời của UBND huyện L N.

- Tại phiên tòa Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị định giá lại tài sản. Xét thấy việc đề nghị này là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

- *Bị đơn trình bầy*. Tôi đồng ý với ý kiến đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi. Tôi không bỏ sung gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phù Văn Đ trình bầy*. Tôi nhất trí với phần trình bày của bố tôi là ông Phù Văn T.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 BLTTDS.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phù Văn T và kháng cáo của ông Dương Văn Q, kháng cáo của chị Dương Thị V và kháng cáo của chị Dương Thị H2.

Giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

- Về án phí DSPT: Miễn án phí DSPT cho ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q.

Chị Dương Thị H2 và chị Dương Thị V mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai. Tòa án xét xử vắng mặt những người này là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị V, chị Dương Thị H2:

Ông Phù Văn T khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Dương Văn Q phải trả lại diện tích hiện nay dang tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế = 41.834,3 m^2 nằm trong GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 48, tại Quyết định cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 494/GĐGR ngày 15/12/1996. Thuộc lô: 48a, 48b, khoảnh 9, thuộc khu rừng Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang và thu hoạch số cây keo, cây bạch đàn trên đất tranh chấp. Ông T trình bày ông có quan hệ thông gia với ông Q nên cho ông Q mượn diện tích khoảng 1ha, sau đó ông Q lấn chiếm sang đất của ông. Ông Dương Văn Q, chị Dương Thị V, chị Dương Thị H2 trình bày đối với diện tích đất 41.834,3 m^2 nằm trong GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 48, tại Quyết định cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 494/GĐGR ngày 15/12/1996. Thuộc lô: 48a, 48b, khoảnh 9, thuộc khu rừng Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang ông T đang khởi kiện từ trước đến nay gia đình ông Phù Văn T chưa bao giờ sử dụng mà do gia đình ông quản lý, sử dụng, canh tác. Hội đồng xét xử xét thấy: Hạt kiểm lâm huyện L N, Ủy ban nhân dân xã N D,

huyện L N cũng như Ủy ban nhân dân huyện L N đều khẳng định việc giao đất, giao rừng cho ông Phù Văn T được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại nghị định số: 02/NĐ ngày 15/01/1994 và Luật đất đai năm 1993. Khi giao đất có đầy đủ các ban nghành địa phương. Việc giao đất được tiến hành trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao đất và bên nhận đất.

Ông Phù Văn T được cấp GCNQSD đất lâm nghiệp số 48, tại Quyết định cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 494/GĐGR ngày 15/12/1996, diện tích: 5,28 ha = 52.800m2. Thuộc lô: 48a, 48b, khoảnh 9, thuộc khu rừng Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Theo kết quả xem xét, thẩm định cho thấy phần diện tích đất tranh chấp 41.834,3 m2 nằm trong GCNQSD đất lâm nghiệp số 48, tại Quyết định cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 494/GĐGR ngày 15/12/1996 thuộc khu rừng Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang mà ông Phù Văn T được cấp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Phù Văn T là có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn ông Dương Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị V, chị Dương Thị H2 cho rằng gia đình ông T nêu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuy nhiên giấy chứng nhận này không có giá trị pháp lý do đã bị tẩy xóa. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù GCNQSD đất (Sổ xanh) cấp cho ông Phù Văn T đã bị tẩy xóa, không xác định được nội dung ban đầu tuy nhiên các tài liệu gốc của Hạt kiểm lâm huyện L N đều xác định ông Phù Văn T được cấp GCNQSD đất lâm nghiệp số: 48, tại Quyết định cấp GCNQSD đất Lâm nghiệp số: 494/GĐGR ngày 15/12/1996, Thuộc lô: 48a, 48b, khoảnh 9, diện tích 5,28ha thuộc khu rừng Suối 3, thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang nên việc giám định có xác định số nguyên thủy là bao nhiêu trong GCNQSD đất lâm nghiệp gốc của ông T, có tẩy xóa hay không tảy xóa thì cũng không thay đổi được diện tích ông T được cấp còn lưu giữ tại Hạt kiểm lâm huyện L N.

Gia đình ông Q, chị Voòng, chị H2 trình bày đã được Ủy ban nhân dân huyện L N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên Hạt kiểm lâm huyện L N có quan điểm đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02191 cấp ngày 13/12/2002 cấp cho ông Dương Văn Q diện tích 46.000 m2, mục đích sử dụng: Rừng tái sinh, thời hạn sử dụng: Tháng 10/2043. Sau khi kiểm tra các hồ sơ, tài liệu lưu giữ tại Hạt kiểm lâm huyện L N thì không có tên ông Dương Văn Q được giao đất, không có lô C8, Khoảnh 9 tại khu vực đất ông T được giao, không có tài liệu nào thể hiện ông Dương Văn Q được cấp sổ bìa xanh tại khu vực rừng Suối 3, thôn L, N D. Do đó, ông Q, chị V, chị H2 trình bày diện tích đang tranh

chấp nằm trong GCNQSD đất của ông Q được nhà nước giao, cấp ở khu vực Suối 3, thôn L, xã N D, ông T chỉ được cấp diện tích 2,26ha là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông Q phải trả lại cho ông T diện tích đất lâm nghiệp là 41.834,3m2 là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q, chị V, chị H2 cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới đối với yêu cầu kháng cáo của mình.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị V, chị Dương Thị H2.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phù Văn T:

Hiện nay trên phần đất tranh chấp gia đình ông Dương Văn Q đã trồng bạch đàn và keo.

Ngày 22/4/2022 Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá tài sản là toàn bộ số cây bạch đàn và cây keo trên diện tích đất tranh chấp. Tại buổi định giá ông T có mặt và nhất trí với giá mà Hội đồng định giá đã định giá đối với toàn bộ số cây trên đất mà không có khiếu nại gì. Trong quá trình định giá đã xác định được giá trị tài sản như sau:

Diện tích đất tranh chấp 41.834,3 m2 x 16.000 đồng/01 m2 = 669.348.800 đồng.

Mật độ cây bạch đàn 1700 cây/01 ha, có 38.514,9 m2 trồng cây bạch đàn (Trong đó có: 3.442,6 m2 ở lô 48b và 35.072,3 m2 ở lô 48a = 38.514,9 m2), trên đất có 6.547,533 cây bạch đàn (đường kính gốc 05 – 10 cm) x 100.000đ/ cây = 654.753.300đ. Cây bạch đàn chưa đến thời kỳ thu hoạch.

Mật độ cây keo 1700 cây/01 ha, có 3.319,4 m2 trồng cây keo, trên đất có 564.298 cây keo (đường kính gốc 13 – 20 cm) x 154.000đ/ cây =86.901.892 đồng. Cây keo đã đến thời kỳ thu hoạch.

Do số cây keo đã đến kỳ thu hoạch còn số cây bạch đàn chưa đến kỳ thu hoạch nên để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông Q, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử buộc hộ ông Dương Văn Q phải khai thác, thu hoạch toàn bộ cây keo và cây cối, tài sản khác diện tích đất 3.319,4 m2; hộ ông Phù Văn T được sở hữu và sử dụng 6.547,533 cây bạch đàn (đường kính gốc 5-10cm) trên diện tích 38.514,9 m2 có trị giá = 654.753.300đ; buộc hộ ông Phù Văn T phải trả cho hộ ông Dương Văn Q giá trị 6.547,533 cây bạch đàn (đường kính gốc 5-10cm) trên diện tích 38.514,9 m2 = 654.753.300đ là có căn cứ phù hợp với Điều 257, Điều 260, Điều 261 và Điều 264 BLDS 2015. Yêu cầu kháng cáo của ông Phù Văn T kháng cáo cho rằng

giá cây bạch đàn là cao, ông chỉ đồng ý hỗ trợ cho gia đình ông Q số tiền là 100.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận

Từ những phân tích, đánh giá trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phù Văn T, bị đơn ông Dương Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị V, chị Dương Thị H2. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do nguyên đơn ông Phù Văn T, bị đơn ông Dương Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị V, bà Dương Thị H2 không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo nguyên đơn ông Phù Văn T, bị đơn ông Dương Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị V, bà Dương Thị H2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Toà án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phù Văn T và ông Dương Văn Q

Chị Dương Thị V phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 001072 ngày 20/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Chị Dương Thị H2 phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0011073 ngày 20/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Lục Ngạn;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Hùng